

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-PT

Ngày: 08/9/2021

V/v “Tranh chấp đòi lại tiền hợp  
tác kinh doanh”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Trang

*Các Thẩm phán:* Ông Hàng Lâm Viên và bà Ngô Thị Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Ninh Thuận

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:**  
Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về  
việc: “Tranh chấp đòi lại tiền hợp tác kinh doanh”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của  
Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2021/QĐ-PT ngày 16  
tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Bảo Q, sinh năm 1992 ( vắng mặt).

Địa chỉ: Số 25 Yết Kiêu, khu phố 1, phường P, Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Minh S, sinh năm  
1956 (văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020), ( có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đinh Hiếu H, sinh năm 1994 ( có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Thanh K, sinh năm 1989 ( có mặt).

Địa chỉ: Số 25 Yết Kiêu, khu phố 1, phường P, Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông K ủy quyền cho ông Ngô Minh S, sinh năm 1956 tham gia tố tụng theo  
văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020), (có mặt)

- Ông Diệp Thanh H, sinh năm 1991( có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận;

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đinh Hiếu H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Bảo Q và người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Minh S trình bày:*

Vào năm 2018 vợ chồng bà Phạm Bảo Q, ông Bùi Thanh K và vợ chồng bà Đinh Hiếu H, ông Diệp Thanh H có hợp tác góp vốn đầu tư kinh doanh. Sau khi khai trương, hai bên thống nhất không hợp tác làm ăn chung nữa nên cả hai đã thỏa thuận hoàn trả lại tiền thông qua biên bản xác nhận hoàn trả tiền ngày 27/8/2018; biên bản có chữ ký của vợ chồng ông K, bà Q và vợ chồng ông H, bà H. Nội dung biên bản như sau: “...Với việc bên A (là vợ chồng ông Bùi Thanh K bà Phạm Bảo Q) tiến hành rút vốn đầu tư, không tiếp tục hoạt động với bên B (là vợ chồng ông Diệp Thanh H bà Đinh Hiếu H) trong dự án shop Sisterhood (địa chỉ shop Sisterhood: đường Trần Nhân Tông nối dài, khu K1, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận). Bên B xác nhận hiện tại còn nợ lại bên A tổng số tiền: 1.218.000.000<sup>d</sup>, bên B sẽ bắt đầu hoàn trả tiền từ ngày 01/01/2019. Bên B cam kết vào lần thanh toán đầu tiên, nhằm ngày 01/01/2019 sẽ thanh toán đợt đầu với số tiền tối thiểu là 300.000.000<sup>d</sup>....Đồng thời, trong cùng thời điểm đó, sẽ đưa ra bảng tiến độ hoàn trả tiếp theo, tiến độ này sẽ theo tháng hoặc theo quý vào thời điểm ngay sau khi thanh toán đợt đầu, phù hợp với điều kiện và thỏa thuận của cả hai bên... Bên B cam kết dùng mọi phương án có thể sẽ thanh toán toàn bộ số tiền theo đúng nội dung đã thỏa thuận nêu trên. Nếu sai, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...”. Tuy nhiên, đến ngày 01/01/2019, vợ chồng ông H, bà H đã không thực hiện đúng như cam kết mà mãi đến ngày 15/5/2019 mới trả cho vợ chồng ông K, bà Q số tiền 100.000.000<sup>d</sup>, ngày 14/6/2019 trả 200.000.000<sup>d</sup>, ngày 08/11/2019 trả 25.000.000<sup>d</sup>, ngày 22/5/2020 trả 25.000.000<sup>d</sup>, tổng cộng số tiền đã trả là 350.000.000<sup>d</sup>. Hiện vợ chồng ông H bà H còn nợ lại số tiền 868.000.000<sup>d</sup>.

Nay bà Phạm Bảo Q khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông H bà H phải thanh toán cho vợ chồng ông K bà Q số tiền số tiền còn nợ là 868.000.000<sup>d</sup> và số tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 01%/tháng từ ngày 01/1/2019 – ngày 07/7/2020 là 190.011.333<sup>d</sup>.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà H phải trả cho vợ chồng ông K, bà Q số tiền 868.000.000<sup>d</sup>, tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,833%/tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 110.000.000<sup>d</sup>.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thì vợ chồng ông K, bà Q không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng góp vốn lập ngày 07/01/2018, không đồng ý trả lại số tiền 350.000.000<sup>d</sup> cho vợ chồng ông H, bà H.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Hiếu H trình bày:*

Ngày 07/01/2018, bà Đinh Hiếu H và bà Phạm Bảo Q lập hợp đồng góp vốn kinh doanh, mỗi bên góp 50% với số tiền 1.249.790.000<sup>d</sup>. Ngày 03/3/2018, bà Hạnh đứng tên hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân Diệu, thửa đất 321, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khu đô thị Đông Bắc (khu K1), Trần Nhân Tông nối dài, phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm. Sau khi ký hợp đồng thuê đất, bà Q mời bà H hợp tác đầu tư chung theo tỷ lệ 50/50 để xây dựng công trình có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu. Tháng 6/2018, công trình đi vào hoạt động bà Q kinh doanh Shop giày, bà H kinh doanh Shop quần áo, vốn hàng hóa là đầu tư riêng. Trong quá trình làm chung xảy ra mâu thuẫn do đó bà H đề nghị như sau: Vốn đầu tư xây dựng Shop và thuê đất vẫn cùng nhau hợp tác chia đôi, mỗi bên một tầng tự kinh doanh, quản lý hàng hóa, nhân viên của mình, bà Q tầng trệt, bà H tầng một. Tuy nhiên, bà Q không đồng ý và yêu cầu hoàn lại vốn góp, bà Q đưa ra yêu cầu rút vốn và được bà H đồng ý nên hai bên đã lập văn bản thỏa thuận hoàn vốn có điều kiện vào ngày 27/8/2018. Biên bản xác nhận hoàn trả tiền ngày 27/8/2018 không phải là văn bản nợ mà là văn bản thỏa thuận hoàn vốn theo hợp đồng. Theo biên bản hoàn trả vốn ngày 27/8/2018, vợ chồng ông H, bà H xác nhận còn nợ vợ chồng ông K bà Q số tiền 1.218.000.000<sup>d</sup>; Sau đó vợ chồng ông H, bà H đã trả được số tiền 350.000.000<sup>d</sup>, hiện còn nợ lại số tiền 868.000.000<sup>d</sup>.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông H, bà H chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 868.000.000<sup>d</sup>, không đồng ý trả số tiền lãi chậm thanh toán là 110.00.000<sup>d</sup> vì các lý do sau: phía bà Q đã thuê Công ty đòi nợ đến gây sức ép cho bà H dẫn đến công việc kinh doanh của bà H gặp rất nhiều khó khăn, hiện bà H cũng đã cho người khác thuê lại mặt bằng kinh doanh; khi bà Hạnh đã trả được 300.000.000<sup>d</sup> nhưng cả hai đã không thỏa thuận lại thời gian và phương thức thanh toán tiếp theo như quy định tại khoản 2 của biên bản xác nhận hoàn trả tiền ngày 27/8/2018.

Ngày 12/11/2020 bà Đinh Hiếu H làm đơn phản tố yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Phạm Bảo Q phải tiếp tục thực hiện hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 07/01/2018; Yêu cầu Tòa hủy biên bản xác nhận hoàn trả tiền ngày 27/8/2018; buộc vợ chồng ông K, bà Q trả lại số tiền 350.000.000<sup>d</sup> cho bà Đinh Hiếu H. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố ngày 12/11/2020.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 72, khoản 1 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, Điều 351, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đinh Hiếu H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Bảo Q. Buộc vợ chồng bà Đinh Hiếu H, ông Diệp Thanh H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phạm Bảo Q, ông Bùi Thanh K số tiền 978.000.000<sup>d</sup> (Chín trăm bảy mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền còn nợ là 868.000.000<sup>d</sup> (Tám trăm sáu mươi tám triệu đồng), tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 110.000.000<sup>d</sup> (Một trăm mười triệu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2021, bị đơn bà Đinh Hiếu H kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần tiền lãi phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn kháng cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả khoản tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ chậm trả đối với số tiền 300.000.000<sup>d</sup> trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến 14/6/2019; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc góp vốn làm ăn chung đã chấm dứt và đôi bên xác lập thỏa thuận hoàn trả tiền theo biên bản lập ngày 27/8/2018 với cam kết tại điều 1, 2 là “trả tối thiểu 300.000.000<sup>d</sup> vào ngày 01/01/2019” nhưng đến ngày 14/6/2019 bị đơn mới thanh toán số tiền 300.000.000<sup>d</sup> như cam kết, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/01/2019 của số tiền cam kết thanh toán lần đầu nên phải chịu lãi chậm thanh toán là có căn cứ, tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán 110.000.000<sup>d</sup> là không đúng với điều khoản thỏa thuận của các bên tại điều 2 của biên bản ngày 27/8/2018. Cả hai bên đều thừa nhận sau khi thanh toán đủ số tiền 300.000.000<sup>d</sup> đã không ngồi lại và bị đơn tự nguyện hoàn trả tiếp 2 lần với số tiền 50.000.000<sup>d</sup> bên nguyên đơn nhận và không có ý kiến gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn trả số tiền lãi của số tiền chậm thanh toán 300.000.000<sup>d</sup> kể từ ngày 02/01/2019 đến ngày 13/6/2019; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm bảo Q yêu cầu bị đơn bà Đinh Hiếu H phải trả số tiền do phát sinh từ quan hệ hợp tác kinh doanh. Thỏa thuận góp vốn hợp tác kinh doanh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 504 Bộ luật Dân sự 2015 về “Hợp đồng hợp tác”. Cả hai bên góp vốn và tự nguyện chấm dứt việc hợp tác bằng thỏa thuận tại giấy xác nhận hoàn trả tiền lập ngày 27/8/2018. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi lại tiền hợp tác kinh doanh”, vụ án thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm là đúng quy định theo khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy giữa các bên có hợp tác với nhau hùn vốn kinh doanh. Theo quy định tại điều 504 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm; Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản”; các nội dung hợp tác cũng như quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong việc góp vốn vào dự án shop Sisterhood được xác định tại hợp đồng góp vốn lập ngày 07/01/2018. Sau khi cùng hợp tác giữa hai bên đã xảy ra mâu thuẫn và được thỏa thuận chấm dứt việc hợp tác bằng biên bản xác nhận hoàn trả tiền lập ngày 27/8/2018 với nội dung: “bên A (ông K, bà Q) tiến hành rút vốn đầu tư, không tiếp tục hoạt động với bên B (ông Hưng, bà Hạnh) trong dự án shop Sisterhood..... Bên B xác nhận hiện tại còn nợ lại bên A tổng số tiền 1.218.000.000<sup>d</sup>”. Ông H, bà H thừa nhận có ký giấy nội dung này, cả hai bên đều xác nhận số tiền đã hoàn trả được 04 lần tổng là 350.000.000<sup>d</sup>, do đó cấp sơ thẩm buộc ông H, bà H có trách nhiệm trả cho ông K, bà Q số tiền còn lại 868.000.000<sup>d</sup> là có căn cứ.

[3.1] Xét yêu cầu kháng của bị đơn bà Đinh Hiếu H kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền trả khoản tiền lãi của nguyên đơn, chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ chậm trả đối với số tiền 300.000.000<sup>d</sup> thời gian từ ngày 01/01/2019 đến 14/6/2019 nhận thấy:

Giữa hai bên góp vốn và tự nguyện chấm dứt việc hợp tác bằng thỏa thuận tại giấy xác nhận hoàn trả tiền lập ngày 27/8/2018 và ông H, bà H vi phạm nghĩa

vụ trả tiền theo nội dung biên bản ngày 27/8/2018: “Bên B sẽ bắt đầu hoàn trả tiền từ ngày 01/01/2019 và cam kết vào lần thanh toán đầu tiên nhằm ngày 01/01/2019 sẽ thanh toán số tiền tối thiểu là 300.000.000<sup>d</sup>”. Như vậy xác định thời điểm bắt đầu trả tiền là ngày 01/01/2019, tuy nhiên đến ngày 01/01/2019 ông H bà H không thực hiện mà đến ngày 15/5/2019 mới thanh toán số tiền 100.000.000<sup>d</sup> và ngày 14/6/2019 mới thanh toán đủ số tiền 300.000.000<sup>d</sup> cho ông K, bà Q là vi phạm nghĩa vụ và thời hạn trả tiền theo thỏa thuận. Xác định đây là khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo cam kết nên bị đơn phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày vi phạm theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xem xét giải quyết tính lãi chậm thanh toán của số tiền 1.218.000.000<sup>d</sup> kể từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 110.000.000<sup>d</sup> là không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại điều 2 của biên bản ngày 27/8/2018 thể hiện :“ Bên B cam kết vào lần thanh toán đầu tiên, nhằm ngày 01/01/2019 sẽ thanh toán đợt đầu với số tiền tối thiểu 300.000.000<sup>d</sup>. Đồng thời trong cùng thời điểm đó sẽ đưa ra bảng thỏa thuận tiến độ hoàn trả tiếp theo, tiến độ này sẽ theo tháng hoặc theo quý vào thời điểm ngay sau khi thanh toán đợt đầu, phù hợp với điều kiện và thỏa thuận giữa hai bên”.

Quá trình tố tụng, cả hai bên đều xác định biên bản lập ngày 27/8/2018 với hai điều khoản ràng buộc thực hiện, tuy nhiên sau khi thanh toán 300.000.000<sup>d</sup> thì cả hai bên đều không có động thái cùng ngồi lại để thỏa thuận phương thức, cách thức hoàn trả của số tiền còn lại 868.000.000<sup>d</sup>. Mặc dù phía nguyên đơn dùng biện pháp dịch vụ đòi nợ thuê phần nào tác động gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của bị đơn nhưng phía bị đơn vẫn có thiện chí trả tiền và tiếp tục hoàn trả số tiền 25.000.000<sup>d</sup> vào ngày 08/11/2019 theo hình thức chuyển vào tài khoản của ông Bùi Thanh K (bên A), giấy chuyển tiền có ghi nội dung “chuyển trả tiền, 6 tháng chuyển một lần”, sau đó đến ngày 22/5/2020 bị đơn tiếp tục chuyển khoản 25.000.000<sup>d</sup> với nội dung “chuyển tiền đợt 2”; Phía nguyên đơn thừa nhận cả 2 lần nhận tiền được chuyển vào tài khoản đều đọc được nội dung chuyển tiền nhưng không có ý kiến phản đối gì đối với phía bên bị đơn. Cả hai bên đều đã có vi phạm tại điều 2 của thỏa thuận được các bên thừa nhận; vợ chồng Q, K vẫn nhận tiền vào thời gian sau ngày 14/6/2019 chấp nhận mà không phản đối, nên không có căn cứ để xác định việc vợ chồng H, H vi phạm nghĩa vụ và thời hạn trả tiền của số tiền còn lại. Do đó, bị đơn kháng cáo đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 300.000.000<sup>d</sup> tính từ ngày 01/01/2019 đến 14/6/2019 là có căn cứ chấp nhận.

Tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên áp dụng mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/ năm = 0,833%/ tháng = 0,028%/ ngày.

Tính từ ngày vi phạm (ngày 02/01/2019) đến ngày 14/5/2019 là 133 ngày, số tiền lãi chậm trả là 11.172.000<sup>d</sup> (Mười một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn

đồng). Cách tính cụ thể:  $[(300.000.000^d \times 0,028\%/ngày) \times 133 \text{ ngày}] = 11.172.000^d$ .

Từ ngày 15/5/2019 đến 13/6/2019 là 30 ngày, số tiền lãi chậm trả 1.680.000<sup>d</sup> (Một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Cách tính:  $[(200.000.000^d \times 0,028\%/ngày) \times 30 \text{ ngày}] = 1.680.000^d$ .

Tổng cộng: 12.852.000<sup>d</sup> (Mười hai triệu tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Từ những phân tích và nhận định như trên, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021 ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nên tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Bị đơn bà Đinh Hiếu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.425.500<sup>d</sup> (làm tròn số). Cách tính:  $36.000.000^d + (80.852.000^d \times 3\%) = 38.425.560^d$ .

Án phí dân sự phúc thẩm: do được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000<sup>d</sup> số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 147, khoản 2 điều 148, điều 217, khoản 1 điều 244, khoản 1 điều 273, khoản 2 điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468, khoản 1 điều 504, điều 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 26, điều 29 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Hiếu H; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021 ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm. Cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Bảo Q đối với bị đơn bà Đinh Hiếu H về việc tranh chấp: “Đòi lại tiền hợp tác kinh doanh”

Buộc vợ chồng ông Diệp Thanh H, bà Đinh Hiếu H có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng ông Bùi Thanh K, bà Phạm Bảo Q số tiền vốn góp còn lại là

868.000.000<sup>d</sup> (Tám trăm sáu mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 12.852.000<sup>d</sup> ( Mười hai triệu tám trăm năm mươi hai ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Diệp Thanh H, bà Đinh Hiếu H phải chịu 38.425.500<sup>d</sup> ( Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Bảo Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Q số tiền 21.870.000<sup>d</sup> (Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022728 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan rang- Tháp chàm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đinh Hiếu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000<sup>d</sup> ( Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0025735 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2021)

**Nơi nhận:**

- Đường sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND T.P PRTC(1);
- Chi cục THADS T.P PRTC(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Trang**



